TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 22/2022/DS-PT
Ngày 05 - 5 - 2022
"Tranh chấp thừa kế tài sản"

NHÂN D
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Th phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm pH - Chủ toạ phiên tòa: Ông Phạm Văn Ph

Các thẩm pH: Bà Nguyễn Thị Hải M

Ông Ngô Sỹ T

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị H - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị H - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tHg 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 75/2021/TLPT-DS ngày 11 tHg 10 năm 2021 về "Tranh chấp thừa kế tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DS-ST ngày 16/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Nghệ An, bị kHg cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 12/2022/QĐ-PT ngày 08 tHg 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1950; địa chỉ: Xóm 3, xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An. Có mặt;

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bà L: Bà Nguyễn Thị Lệ Th , Luật sư Văn phòng luật sư V và Cộng sự - Đoàn luật sư Nghệ An. Có mặt;

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Th , sinh năm 1946; địa chỉ: Xóm 3, xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An. Có mặt;

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1976 (Con bà L); Vắng mặt;

2. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1979 (Con bà L); Vắng mặt;

Đều có địa chỉ: Xóm 3, xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An.

3. Ông Nguyễn Trường Th, sinh năm 1955; địa chỉ: Số nH 79, tổ 5B, khu 10, phường H, Th phố H, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt;

4. Ông Nguyễn Công D , sinh năm 1956; địa chỉ:, đường Nguyễn Chí Th, phường 2, Th phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt;

5. Bà Nguyễn Thị H , sinh năm 1964; địa chỉ: Xóm 3, xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An. Có mặt;

6. Ông Nguyễn Xuân H , sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn 2, xóm 3, xã Đamri, Th phố b, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt;

7. Ông Nguyễn Xuân Hb, sinh năm 1966; địa chỉ: Lầu 1, số 28, đường V, phường 6, quận 3, Th phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt;

8. Bà Nguyễn Thị Đ , sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn 2, xã Đamri, Th phố Cc, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt;

9. Bà Nguyễn Thị V , sinh năm 1950 (Vợ ông Th); địa chỉ: Xóm 3, xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt;

10. Anh Nguyễn Hồng Q , sinh năm 1993 (Con ông Th h); địa chỉ: Xóm 3, xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt;

Đại diện theo ủy quyền của các ông D , ông H , ông H , bà Đ , bà V , anh Q : Ông Nguyễn Văn T sinh năm 1946; cùng địa chỉ: Xóm 3, xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An. Ông Th có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Ngọc L , sinh năm 1947; trú tại: xóm 3, xã Hưng Nghĩa, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Có mặt;

2. Ông Phạm Viết L , sinh năm 1950; trú tại: xóm Chợ Cầu, xã Hưng Nghĩa, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Có mặt;

- *Người kHg cáo*: Bà Phạm Thị L, nguyên đơn và ông Nguyễn Văn Th, bị đơn;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Bản án sơ thẩm vụ án có nội dung:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai, hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm bà Phạm Thị L; người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bà L Th nhất trình bày: Bố mẹ chồng bà L là cụ Nguyễn H và cụ Võ Thị C sinh được 08 người con gồm: Ông Nguyễn Song H (Chồng bà L), chết ngày 11 tHg 7 năm 2019; Ông Nguyễn Trường Th sinh năm 1955; Ông Nguyễn Văn Th sinh năm 1946; Ông Nguyễn Công D sinh năm 1956. Bà Nguyễn Thị H sinh năm 1964; Ông Nguyễn Xuân H sinh năm 1964; Ông Nguyễn Xuân H sinh năm 1966; Bà Nguyễn Thị Đ sinh năm 1970. Cụ H chết năm 1974; cụ C chết năm 2019 không để lại di chúc. Di sản thừa kế của hai cụ gồm: Thửa đất số 500, tờ bản đồ địa chính số 3, diện tích 4.808m^2, trong đó có cả đất nông ngH và đất ở, đất

vườn, tại xã Hưng Tiến, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An được UBND huyện Hưng Nguyên cấp giấy chứng nhận ngày 26/9/2003, trong đó diện tích đất ở, đất vườn là 847m^2

Năm 1976, khi bà L về làm dâu, tài sản trên đất có một ngôi nH tranh. Năm 1987, vợ chồng bà L đã bỏ tiền ra xây lại một ngôi nH cấp 4 hết khoảng 9.000.000 đồng. Năm 1993, vợ chồng ông Nguyễn Văn Th về ở đuổi vợ chồng bà L ra khỏi nH rồi sau đó phá dỡ ngôi nH cấp 4 để xây dựng ngôi nH mới như hiện nay gia đình ông Th đang ở. Toàn bộ di sản này đang do ông Nguyễn Văn Th cùng vợ bà Nguyễn Thị Vỹ, con trai Nguyễn Hồng Q và bà Nguyễn Thị H quản lý, sử dụng.

Chồng bà L ông Nguyễn Song H chết năm 2019, không để lại di chúc. Vợ chồng ông H, bà L có 3 người con gồm; Nguyễn Văn Th, Nguyễn Thị H; Nguyễn Phúc Văn (đã chết khi chưa có vợ con). Để đảm bảo quyền và lợi ích của những người thừa kế di sản của bố mẹ chồng (Cụ H, cụ C) nên bà L yêu cầu:

1. Tuyên bố di chúc ngày 20/01/2016 cụ Võ Thị C để lại vô hiệu toàn bộ.

2. Chia di sản thừa kế theo pháp luật phần của ông Nguyễn Song H (Chồng bà L) được hưởng từ di sản của cụ H và cụ C là thửa đất số 500, tờ bản đồ số 3, diện tích đất ở 847m^2.

3. Yêu cầu ông Th trả lại trị giá ngôi nH cấp bốn của vợ chồng bà L, tuy nhiên tại phiên tòa bà L rút yêu cầu nội dung khởi kiện này

Bị đơn ông Nguyễn Văn Th trình bày: Ông Th xác định, bố mẹ ông là cụ Nguyễn H và cụ Võ Thị C sinh được 08 người con, họ tên, ngày tHg năm sinh và cụ H, cụ C chết để lại diện tích thửa đất, hiện trạng, những người đang quản lý, sử dụng di sản đúng như bà L đã khai.

Về nguồn gốc thửa đất: Bố ông Th, cụ H chết năm 1974, khi đó, đất đai là của NH Nước không được xem là tài sản nên không phải là di sản của cụ H. Di sản của mẹ ông Th (Cụ C) để lại là toàn bộ thửa đất số 500, tờ bản đồ địa chính số 3, diện tích 847m^2 đất ở, đất vườn, tại xã Hưng Tiến, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, được UBND huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận ngày 26 tHg 9 năm 2003 cho cụ Võ Thị C. Ngày 20/01/2016 cụ C lập di chúc có 02 người làm chứng, cụ C đã định đoạt diện tích thửa đất. Khi lập di chúc ông H chồng bà L có mặt, biết và đồng ý với nội dung di chúc. Như vậy, diện tích thửa đất đã được cụ C định đoạt cho những người theo di chúc, nên bà L (Vợ ông H) không có quyền khởi kiện chia di sản thừa kế của bố ông Th (Cụ H). Đề nghị Tòa án tôn trọng, xem xét ý nguyện của người chết (ông H) khi còn sống; bác yêu cầu chia thừa kế tài sản của bà L. Về yêu cầu trả lại giá

trị căn nH cấp 4 tương đương giá hiện nay là không có căn cứ nên ông Th cũng không chấp nhận.

Bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà H xác định, bố mẹ bà H sinh được 08 người con đúng như bà L, ông Th đã khai. Về thửa đất diện tích, địa chỉ và trình trạng sử dụng đất đúng như ông Th đã trình bày. Thửa đất là của cụ C mẹ bà H để lại, ngày 20/01/2016 cụ C đã di chúc cho bà H 200m^2 để làm nơi ở và đã định đoạt. Như vậy, diện tích thửa đất đã được cụ C định đoạt cho những người theo di chúc, nên bà L (Vợ ông H) không có quyền khởi kiện chia di sản thừa kế của bố ông Th (Cụ H). Đề nghị Tòa án tôn trọng, xem xét ý nguyện của người chết (ông H) khi còn sống; bác yêu cầu chia thừa kế tài sản của bà L.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

Chị Nguyễn Thị H (con bà L) có ý kiến: Đồng ý với đơn khởi kiện của bà Phạm Thị L và nhường phần thừa kế được hưởng cho bà L.

Anh Nguyễn Văn Th (con bà L) có ý kiến: Không yêu cầu chia di sản thừa kế. Phần thừa kế của anh Th từ chối nhận mà để lại cho bên nội để làm chỗ thờ cúng.

Các ông Nguyễn Trường Th, ông Nguyễn Công D, ông Nguyễn Xuân H, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Đ đều Th nhất ý kiến ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị H; không đồng ý với khởi kiện của bà Phạm Thị L, các ông bà không yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ H, cụ C.

Tại Bản án số: 02/2021/DS-ST ngày 16/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An đã quyết định: Căn cứ khoản Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 228 và điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 646, Điều 647, Điều 648, Điều 649; Điều 650, Điều 652, Điều 653, Điều 654, Điều 657, Điều 658 Bộ luật Dân sự 2005 và các Điều 623, Điều 624; Điều 625, Điều 627, Điều 628, Điều 630; Điều 631, Điều 632, Điều 634, Điều 635, Điều 637, Điều 643 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1. Đình chỉ yêu cầu của Nguyên đơn về tính giá trị ngôi nH cấp 4 tương đương giá trị hiện nay.

2. Xác định di chúc cụ Võ Thị C vô hiệu một phần - phần định đoạt di sản của cụ Nguyễn H.

3. Xác định Hng thừa kế của cụ H gồm: Cụ C, ông Th, ông Th, ông D, bà H, ông H, bà H, bà Đ, ông H (bà L, anh Th và chị H vợ, con ông H);

4. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chia di sản thừa kế đối với phần di sản của cụ Nguyễn H theo pháp luật. Phần giá trị di sản thừa kế bà Phạm Thị L được nhận là: 33.400.000 đồng

5. Theo kỷ phần ông Th có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền: 23.800.000 đồng, bà H có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền: 9.600.000 đồng.

6. Ghi nhận sự thỏa thuận của bà H, ông Th, ông Th tại phiên tòa:

- Phần di sản bà H được nhận là: Diện tích 210.6m^2 đất tại thửa số 500, tờ bản đồ số 3 theo sơ đồ thẩm định tại chỗ của Tòa án có vị trí tại: Xóm 3, xã Hưng Nghĩa, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An với các mốc giới cụ thể như sau: Phía Tây Bắc từ mốc giới số 02 đến mốc giới số 09 giáp đất Hnh lang dường xóm; Phía Tây Nam từ mốc giới số 09 đến mốc giới số 10 giáp đường xóm; Phía Đông Nam từ mốc giới số 10 đến mốc giới số 18 giáp đất ông Nguyễn Văn Th; Phía Đông Bắc từ mốc giới số 18 đến mốc giới số 02 giáp mương tiêu.

Trong đó, có một phần diện tích 4,5m^2 đất được cấp trong giấy chứng nhân quyền sử dụng thửa đất 500 nhưng nằm ngoài tường rào nêu đương sự có yêu cầu thì khởi kiện bằng một vụ án khác. Diện tích 8,6 m^2 đất không thuộc quyền sở hữu trong giấy nhận quyền sử dụng thửa đất số 500 nhưng hiện đang trong tường rào bao quanh thuộc đất bà H nên tạm giao cho bà H sử dụng.

- Phần di sản ông Th được nhận là: Diện tích 648m^2 đất tại thửa số 500, tờ bản đồ số 3 theo sơ đồ thẩm định tại chỗ của Tòa án có vị trí tại: Xóm 3, xã Hưng Nghĩa, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An với các mốc giới cụ thể: Phía Tây Bắc từ mốc giới số 02 đến mốc giới số 11 giáp đất bà H. Phía Tây Nam từ mốc giới số 11 đến mốc giới số 12 giáp đường xóm; Phía Đông Nam từ mốc giới số 12 đến mốc giới số 01 giáp đất ông Hg Đăng Thông; Phía Đông Bắc từ mốc giới số 01 đến mốc giới số 02 giáp mương tiêu.

Trong đó, có một phần diện tích 17,5m^2 đất được cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất 500 nhưng nằm ngoài tường rào nếu có yêu cầu thì khởi kiện bằng một vụ án khác. Diện tích 25,5m^2 đất không thuộc quyền sở hữu trong giấy nhận quyền sử dụng thửa đất số 500 nhưng hiện đang trong tường rào bao quanh thuộc đất ông Th nên tạm giao cho ông Th sử dụng.

Ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị H có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất, Sở hữu nH theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra Bản án còn tuyên án phí, nghĩa vụ của người phải thi Hnh án và quyền kHg cáo của các đương sự;

Ngày 25/6/2021 bà Phạm Thị L có đơn kHg cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết:

- Tuyên vô hiệu toàn bộ di chúc ngày 20/01/2016 của cụ C để lại.

- Chia di sản thừa kế phần của chồng bà L là ông H được hưởng từ cụ H, cụ C để lại trong thửa đất mang tên cụ C.

Ngày 22/6/2021 ông Nguyễn Văn Th có đơn kHg cáo với nội dung: KHg cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị hủy Bản án dân sự sơ thẩm vì:

- Cụ Nguyễn H không có quyền sở hữu đối với thửa đất đó là tài sản riêng của cụ Võ Thị C, bà L không có tư cách để hưởng tài sản thừa kế.

- Tòa án buộc ông Th và bà H trả bằng giá trị cho bà L là không đúng quy định về quyền tự định đoạt của đương sự; tòa án cấp sơ thẩm tính giá trị QSDĐ cao hơn giá đất của UBND tỉnh là không đúng quy định của pháp luật.

- Buộc bà H có nghĩa vụ trả tiền cho bà L trong khi bà H không quản lý di sản, không chiếm dụng trái phép QSDĐ của bà L và buộc chịu án phí là không đúng.

- Về thủ tục tố tụng có nhiều sai sót, kéo dài việc giải quyết vụ án, Th phần hội thẩm không đúng, không được xem Biên bản phiên tòa.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Văn Th giữ nguyên nội dung kHg cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm pH, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng trình tự, thủ tục phiên tòa; các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự; không chấp nhận kHg cáo của bà Phạm Thị L; chấp nhận một phần nội dung kHg cáo của ông Nguyễn Văn Th; sửa bản án sơ thẩm theo hướng, chia thừa kế phần di sản của ông H (Chồng bà L) trong khối di sản của cụ H để lại; không chia thửa đất cho ông Th, bà H vì các thừa kế còn lại của cụ H, cụ C không yêu cầu; tại phiên tòa phúc thẩm ông Th tự nguyện, nên cần buộc ông Th Th toán toàn bộ trị giá phần thừa kế của ông H cho bà L; sửa án phí theo quy định mà các đương sự phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự, kết quả tranh tụng và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

Vợ chồng cụ Nguyễn H và cụ Võ Thị C sinh được 08 người con gồm: Ông Nguyễn Song H (Chồng bà L), chết ngày 11 tHg 7 năm 2019; Ông Nguyễn Trường Th; Ông Nguyễn Văn Th; Ông Nguyễn Công D; Bà Nguyễn Thị H; Ông Nguyễn Xuân H; Ông Nguyễn Xuân H; Bà Nguyễn Thị Đ. Cụ H chết năm 1974; cụ C chết ngày 18/3/2019.

Ông Nguyễn Song H (Chồng bà L), chết ngày 11 tHg 7 năm 2019, có vợ bà Phạm Thị L và 03 người con; anh Nguyễn Văn Th, chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Phúc Văn chết năm 2000 chưa có vợ con.

Di sản thừa kế của hai cụ H, cụ C để lại gồm: Thửa đất số 500, tờ bản đồ địa chính số 3, diện tích 847m^2, trong đó 200m^2 đất ở, 647m^2 đất vườn (Diện tích thực tế 857,7m^2) đất thổ cư sử dụng trước năm 1980, tại xã Hưng Tiến (Nay là xã Hưng Nghĩa), huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An được UBND huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận ngày 26 tHg 9 năm 2003. Theo kết quả định giá lại ngày 23/10/2020, đất ở có trị giá 1.900.000đ/m^2; đất vườn trị giá 950.000đ/m^2. Hiện toàn bộ diện tích thửa đất đang do gia đình vợ chồng ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị H quản lý, sử dụng. Căn cứ các tài liệu các bên đương sự xuất trình và Tòa án thu thập; cụ Nguyễn H chết ngày 05/10/1974 không để lại di chúc; cụ Võ Thị C chết ngày 18/3/2019 để lại di chúc lập ngày 20/01/2016 đối với thửa đất.

[1] Xét kHg cáo của bà Phạm Thị L: Trong quá trình giải quyết tranh chấp tại cấp sơ thẩm cũng như tại cấp phúc thẩm, các bên đương sự, người làm chứng, cơ quan quản lý về đất đai và tại mục I di chúc ngày 20/01/2016 của cụ Võ Thị C cũng xác định và thừa nhận; thửa đất số 500, tờ bản đồ địa chính số 3, diện tích 847m^2 (Thực tế 857,7m^2) đất thổ cư sử dụng trước năm 1980, tại xã Hưng Tiến (Nay là xã Hưng Nghĩa), huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An được UBND huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận ngày 26 tHg 9 năm 2003 mang tên hộ bà Võ Thị C được xác định là tài sản chung của vợ chồng cụ H, cụ C. Cụ Nguyễn H chết ngày 05/10/1974 không để lại di chúc; ngày 20 tHg 01 năm 2016, cụ C đã lập di chúc bằng văn bản định đoạt toàn bộ diện tích thửa đất. Xét, hình thức và nội dung bản di chúc của cụ C phù hợp quy định tại Điều 646, Điều 647, Điều 648, Điều 649; Điều 650, Điều 652, Điều 653,

Điều 654, Điều 657, Điều 658 của Bộ luật dân sự 2005 nên được xem là di chúc hợp pháp. Tuy nhiên cụ C định đoạt phần tài sản chung của vợ chồng mà không có sự thỏa thuận Th nhất của tất cả các đồng thừa kế của cụ Nguyễn H (Chồng cụ C). Vì vậy di chúc của cụ Võ Thị C chỉ có hiệu lực phần di sản của cụ C. Căn cứ thực trạng diện tích thửa đất, những người thuộc diện, Hng thừa kế và sự tự nguyện nhường phần di sản được hưởng, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố di chúc của cụ C vô hiệu 1 phần (Phần di sản của cụ H) và tiến Hnh chia thừa kế theo pháp luật phần di sản của cụ H và phần diện tích đất bà L được hưởng phần thừa kế của ông H (Chồng bà L) diện tích không đủ điều kiện để tách thửa, nên được nhận trị gía bằng tiền là có cơ sở. Do đó kHg cáo của bà Phạm Thị L không có căn cứ chấp nhận.

[2] Xét kHg cáo của ông Nguyễn Văn Th:

[2.1] Ông Th cho rằng, cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng, cố tình kéo dài thời gian giải quyết vụ án, thấy rằng: Căn cứ các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và quá trình giải quyết tranh chấp, cấp sơ thẩm đều ban Hnh các quyết định hoãn, tạm đình chỉ đúng căn cứ pháp luật, trong đó bị đơn cũng có đơn xin hoãn giải quyết vụ án. Đối với yêu cầu thay đổi hội thẩm nhân dân, tại phiên tòa sơ thẩm, chủ tọa phiên tòa đã hỏi cụ thể bị đơn về việc thay đổi, bị đơn đã đồng ý tiếp tục xét xử. Bị đơn cho rằng tòa án cấp sơ thẩm không cho bị đơn xem biên bản sau khi kết thúc phiên tòa. Về kết quả thẩm định, định giá; quá trình thẩm định, định giá ở cấp sơ thẩm bị đơn không có ý kiến gì. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Th cũng thừa nhận, trong quá trình giải quyết vụ án, tại cấp sơ thẩm các quyết định tạm đình chỉ, hoãn phiên tòa ông Th đều nhận được, không có khiếu nại và không yêu cầu định giá lại tài sản, nên cấp phúc thẩm không có cơ sở để xem xét.

[2.2] Xét nội dung, ông Th cho rằng cụ H chết năm 1974, nên toàn bộ thửa đất là của cụ C, thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án, qua lời khai của các bên đương sự và các tài liệu Tòa án xác minh, thu thập thì; sau khi kết hôn cụ H và cụ C tạo lập và sinh sống trên thửa đất xóm 6 xã Hưng Tiến (Nay là xóm 3, xã Hưng Nghĩa), huyện Hưng Nguyên từ trước năm 1970. Như vậy, đủ căn cứ xác định thửa đất là tài sản chung của cụ H và cụ C tạo lập trong thời kỳ hôn nhân. Theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình tài sản vợ chồng tạo lập trong thời kỳ hôn nhân là tài sản chung hợp nhất của vợ chồng. Năm 1974 cụ H chết, cụ C và các con tiếp tục sinh sống trên thửa đất cho đến nay, cụ C không tạo lập thêm thửa đất nào khác. Cụ H không để lại di chúc cũng như giữa vợ chồng cụ H cụ C có sự thỏa thuận nào khác về quyền sử dụng đối với thửa đất do 2 cụ tạo lập. Mặt khác, ông Th cho rằng, ông Nguyễn Song H

(Chồng bà L) từ chối hưởng di sản do 2 cụ để lại nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Hơn nữa, bà L yêu cầu được hưởng di sản thừa kế là phần của chồng bà L chứ không yêu cầu hưởng thừa kế trực tiếp từ cụ H, cụ C. Do đó, cấp sơ thẩm, tuyên bố di chúc của cụ C lập ngày 20/01/2016 vô hiệu 1 phần đối với phần di sản của cụ H và tiến Hnh chia thừa kế theo pháp luật phần di sản của ông H được hưởng trong khối di sản của cụ H là có cơ sở, cần được giữ nguyên.

[2.3] Xét kHg cáo của ông Th cho rằng, trong quá trình giải quyết tranh chấp theo yêu cầu khởi kiện, bà L yêu cầu chia phần di sản của ông H (chồng bà L) được hưởng. Ông Th, bà H không có yêu cầu chia di sản thừa kế, nhưng cấp sơ thẩm tiến Hnh chia diện tích thửa đất cho ông Th, bà H sử dụng, thấy rằng: Căn cứ vào các tài liệu có tại hồ sơ vụ án do các bên đương sự và các cơ quan có thẩm quyền về quản lý đất đai cung cấp, có đủ căn cứ xác định; di sản của vợ chồng cụ Nguyễn H và cụ Võ Thị C để lại, thửa đất số 500, tờ bản đồ 03, diện tích 847m^2, tại xóm 3, xã Hưng Tiến (nay là xã Hưng Nghĩa) huyện Hưng Nguyên. Cụ H chết ngày 05/10/1974 không để lại di chúc, cụ C chết ngày 19/3/2019 để lại di chúc ngày 20/01/2016 đã định đoạt phần tài sản của mình (là quyền sử dụng đất). Cấp sơ thẩm xác định phần di sản của cụ H là ½ diện tích thửa đất = 423,5m^2 và căn cứ công sức quản lý, tôn tạo, các đồng thừa kế của cụ H, tiến Hnh chia thừa kế theo pháp luật phần di sản của cụ H là có căn cứ.

Trong vụ án này, ông Nguyễn Song H (chồng bà L) là 1 trong 9 thừa kế thuộc Hng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn H. Ông H chết ngày 19/5/2019 không để lại di chúc, phần thừa kế của ông H; bà L (vợ) và anh Th, chị H (2 con) được hưởng. Căn cứ yêu cầu khởi kiện của bà L yêu cầu chia thừa kế phần di sản của ông H (chồng bà L). Hng thừa kế thứ nhất của ông H gồm, bà L, chị H, anh Th, trong đó anh Th không nhận phần thừa kế của mình được hưởng mà nhường lại cho việc thờ cúng chung, chị H nhường phần của mình cho mẹ là bà L. Cấp sơ thẩm căn cứ thực trạng phần thừa kế được hưởng của bà L tiến Hnh chia phần thừa kế của ông H cho bà L được hưởng giá trị bằng tiền là phù hợp.

[2.4] Xét nội dung kHg cáo ông Th cho rằng, trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị H không yêu cầu chia di sản, nhưng Tòa án sơ thẩm tiến Hnh chia di sản quyền sử dụng đất cho ông Th, bà H sử dụng đất buộc ông Th, bà H phải trích trả phần thừa kế cho bà L là không đúng quy định, thấy rằng: Căn cứ nội dung khởi kiện của bà L và trong quá trình giải quyết vụ án thì bà Phạm Thị L chỉ yêu cầu chia thừa kế phần di sản của ông Nguyễn Song H (Chồng bà L) được hưởng trong khối di sản của cụ Nguyễn H (bố ông H) để lại. Tại các lời khai của ông Nguyễn Văn Th, ông Nguyễn Trường Th, ông Nguyễn Công D, ông Nguyễn Xuân H,

ông Nguyễn Xuân H, bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị H (bút lục số 89 đến số 96) là những người thuộc Hng thừa kế thứ nhất của cụ H đều xác định; không yêu cầu chia di sản của cụ H, cụ C (bố mẹ các ông bà). Tại phiên tòa sơ thẩm trong số 08 người thuộc Hng thừa kế thứ nhất của cụ H, chỉ có mặt ông Th, bà H và ông Th. Cấp sơ thẩm nhận định, do các đồng thừa kế ông Th, ông D, ông H, ông H, bà Đ không yêu cầu chia và nhường lại phần của họ cho bà H, ông Th và cấp sơ thẩm tiến Hnh phân chia toàn bộ thửa đất, kể cả phần di sản của cụ C không có ai yêu cầu phân chia cho bà H, ông Th sử dụng và buộc ông Th, bà H phải Th toán phần thừa kế của ông H cho bà L là không đúng qui định. Mặt khác, trong quá trình giải quyết tranh chấp, các đồng thừa kế còn lại của cụ H gồm; ông Th, ông Th, ông H, ông H, ông D, bà H, bà Đ không yêu cầu phân chia di sản thừa kế của cụ H, cụ C. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Văn Th là người đang quản lý diện tích thửa đất là di sản, cho rằng nếu phải chia thừa kế phần di sản của ông H (Chồng bà L) trong khối di sản của cụ H, cụ C, ông Th tự nguyện Th toán giá trị phần thừa kế của ông H được hưởng cho bà L

Bởi vậy, cần chấp nhận nội dung kHg cáo này của ông Th sửa bản án sơ thẩm theo hướng; chia thừa kế phần di sản của ông Nguyễn Song H trong phần di sản của cụ H để lại là quyền sử dụng đất 423,5m^2; phần bà L được hưởng có giá trị là 33.149.300 đồng (gồm 2 suất của bà L và chị H) phần của anh Th là 16.574.650 đồng giao các đồng thừa kế của cụ H, cụ C sở hữu; không phân chia diện tích thửa đất; các đồng thừa kế có thể khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác. Chấp nhận sự tự nguyện, ông Th có nghĩa vụ Th toán cho bà L phần giá trị thừa kế của ông H là 33.149.300 đồng.

[3] Về án phí sơ thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm về số tiền và người được hưởng phần tài sản, nên cần sửa án phí sơ thẩm cho phù hợp. Bà L là người cao tuổi được miễn án phí, tuy nhiên bà L được nhận phần của chị H, chị H phải chịu án phí được hưởng và đã nhường.

Anh Th nhượng phần của mình cho các đồng thừa kế, không có thỏa thuận nên phải chịu án phí phần mình được hưởng và đã nhường

Các đồng thừa kế khác không có yêu cầu chia di sản thừa kế nên không phải chịu án phí sơ thẩm.

[4] Về án phí phúc thẩm: Bà Phạm Thị L, ông Nguyễn Văn Th là người cao tuổi, nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản1, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng Dân sự. Không chấp nhận kHg cáo của bà Phạm Thị L; chấp nhận một phần kHg cáo của ông Nguyễn Văn Th. Sửa bản án sơ thẩm;

Áp dụng các Điều 646, Điều 647, Điều 648, Điều 649; Điều 650, Điều 652, Điều 653, Điều 654, Điều 657, Điều 658 Bộ luật Dân sự 2005 và các Điều 623, Điều 624; Điều 625, Điều 627, Điều 628, Điều 630; Điều 631, Điều 632, Điều 634, Điều 635, Điều 637, Điều 643 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1. Đình chỉ yêu cầu của bà Phạm Thị L về tính giá trị ngôi nH cấp 4 tương đương giá trị hiện nay.

2. Xác định di chúc lập ngày 20/01/2016 của cụ Võ Thị C vô hiệu một phần - phần định đoạt di sản của cụ Nguyễn H.

3. Xác định Hng thừa kế thứ nhất của cụ H gồm: Cụ C, ông Th, ông Th, ông D, bà H, ông H, bà H, bà Đ và ông H (bà L, anh Th, chị H được hưởng phần của ông H).

4. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L. Chia thừa kế phần di sản của ông Nguyễn Song H, trong phần di sản của cụ Nguyễn H theo pháp luật.

4.1. Ông Nguyễn Văn Th phải Th toán (phần giá trị di sản thừa kế của ông H) cho bà Phạm Thị L số tiền 33.149.300 đồng (*Phần giá trị thừa kế của bà L, chị H được hưởng của ông H).*

4.2. Ông Nguyễn Văn Th, ông Nguyễn Trường Th, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Xuân H, ông Nguyễn Xuân H, ông Nguyễn Công D, bà Nguyễn Thị Đ được nhận 16.574.650 đồng *(Phần thừa kế của anh Th được hưởng của ông H)* nhường lại vào mục đích thờ cúng chung (*Phần giá trị này đang trong khối di sản còn lại)*.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và từ ngày người được thi Hnh án có đơn yêu cầu thi Hnh án cho đến khi thi Hnh xong các khoản tiền, Hng tHg bên phải thi Hnh án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi Hnh án tương ứng với thời gian chậm thi Hnh án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi Hnh theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi Hnh án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi Hnh án dân sự, người phải thi Hnh án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hnh án, quyền yêu cầu thi Hnh án, tự nguyện thi Hnh án hoặc bị cưỡng chế thi Hnh án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi Hnh án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu

thi Hnh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi Hnh án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

5.1. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Phạm Thị L.

5.2. Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn Th mỗi người phải chịu 828.700 đồng án phí dân sự sơ thẩm (Phần giá trị tài sản được hưởng nhường cho người khác).

6. Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí phúc thẩm cho bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Văn Th.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THA dân sự H;
- TAND huyện H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PH - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Ph